

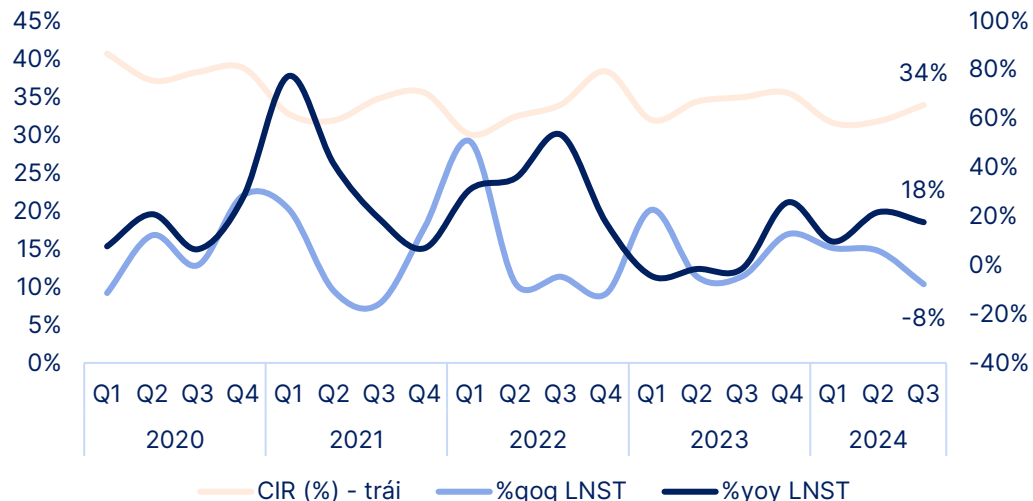
BÁO CÁO NGÀNH NGÂN HÀNG 9 THÁNG NĂM 2024



Tháng 12 năm 2024

LNST 3Q24 tăng 18% yoy và giảm 8% qoq

LNST tăng so với cùng kỳ và giảm so với quý trước, CIR tăng

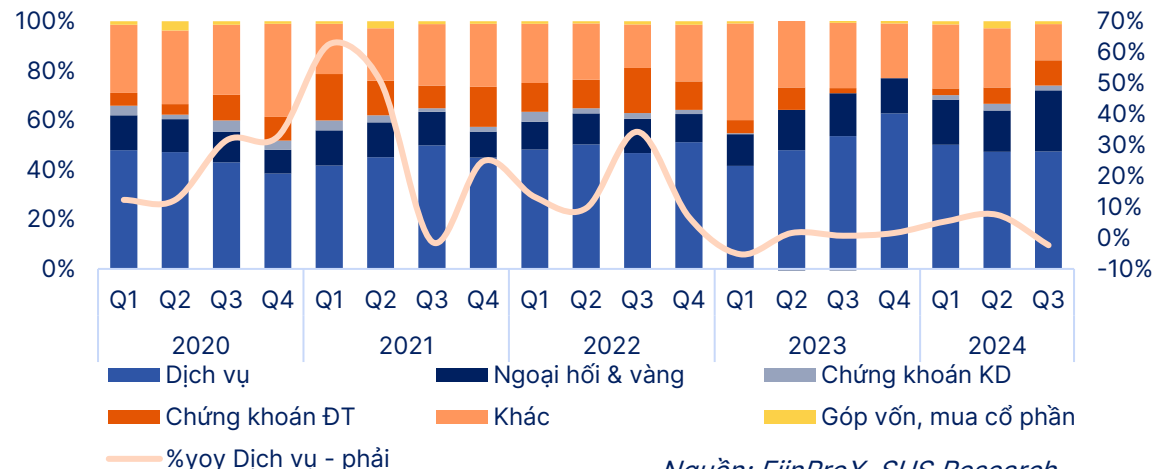


Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi có xu hướng giảm từ vùng đỉnh 4Q23



- Tổng LNST 3Q24 tại 27 Ngân hàng niêm yết đạt 56 nghìn tỷ đồng. Tính từ đầu năm, LNST vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng trên 10% so với cùng kỳ. Trong quý 3, LNST tăng 18% yoy nhưng giảm -8% qoq một phần do chi phí tăng, tỷ lệ CIR toàn ngành đạt 33,9% (+2,1% qoq).
- Tổng thu nhập hoạt động (TOI) của tại 27 Ngân hàng nghiên cứu tăng 13% yoy. Thu nhập lãi thuần cũng đồng xu hướng tăng so với mức nền thấp cùng kỳ (+18% yoy) nhưng giảm nhẹ -2% qoq trong bối cảnh tín dụng chậm giải ngân. Trong khi đó, thu ngoài lãi giảm -3% yoy trong 3Q24 do mảng dịch vụ giảm -4% yoy.

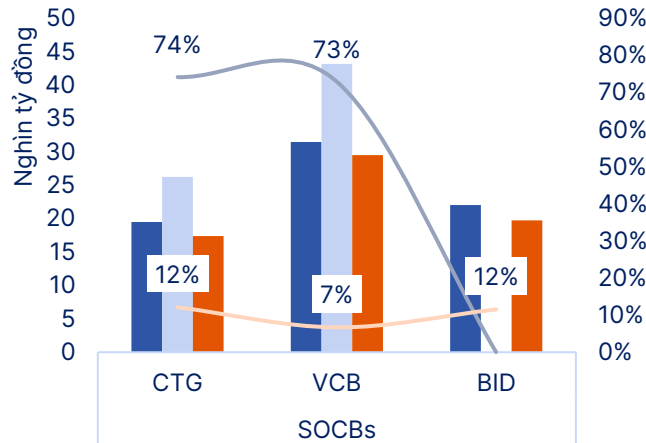
Tăng trưởng doanh thu dịch vụ 3Q24 giảm nhẹ svck, tỷ trọng từ ngoại hối tăng



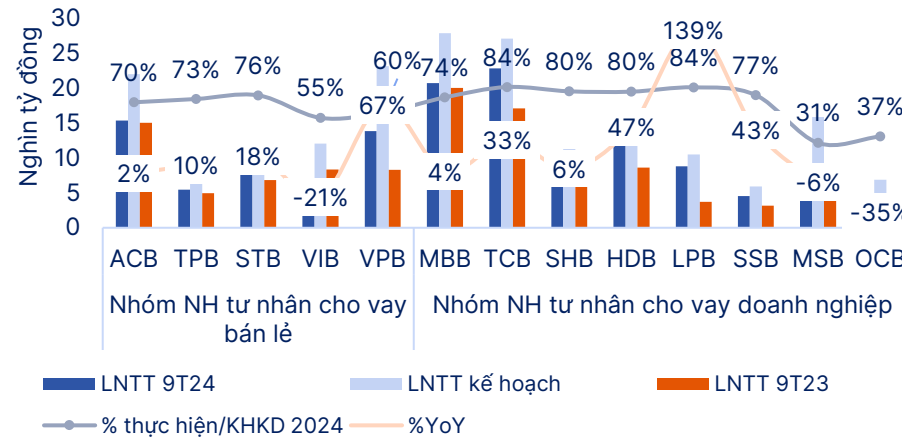
Nguồn: FiinProX, SHS Research

LNTT có sự phân hóa, đa số các NHNY hoàn thành trên 50% kế hoạch năm

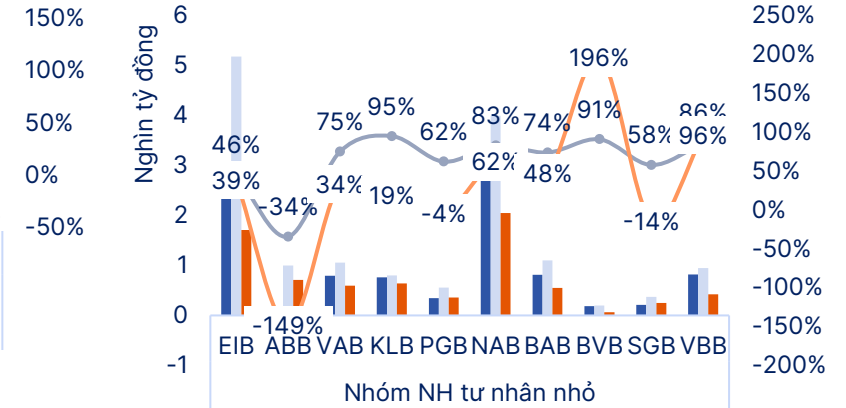
KQKD 9T2024 nhóm NH quốc doanh



KQKD 9T2024 nhóm ngân hàng tư nhân lớn

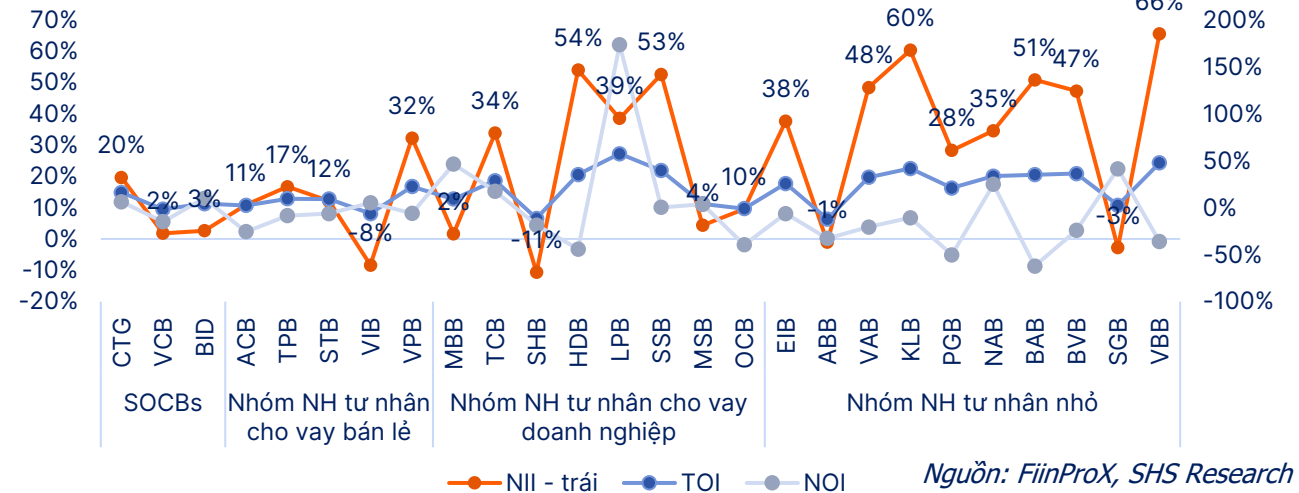


KQKD 9T2024 nhóm NH tư nhân nhỏ



- Một số các ngân hàng đã hoàn thành trên 80% kế hoạch năm 2024 như TCB, LPB, HDB. Trái lại VIB mới chỉ hoàn thành 55% kế hoạch sau 9 tháng, ABB là ngân hàng duy nhất lỗ lũy kế qua 3 quý kinh doanh.
- LPB có mức tăng trưởng LNTT ấn tượng +139% yoy nhờ khoản phí trả trước từ đối tác bảo hiểm và bán chéo các sản phẩm dịch vụ. HDB cũng triển khai nhiều chương trình tín dụng ưu đãi với lãi suất thấp. Còn với TCB, lợi thế đến từ hệ sinh thái khách hàng lớn từ Vingroup, Masan Group và việc phát triển đồng bộ nền tảng số hóa và các sản phẩm tài chính.

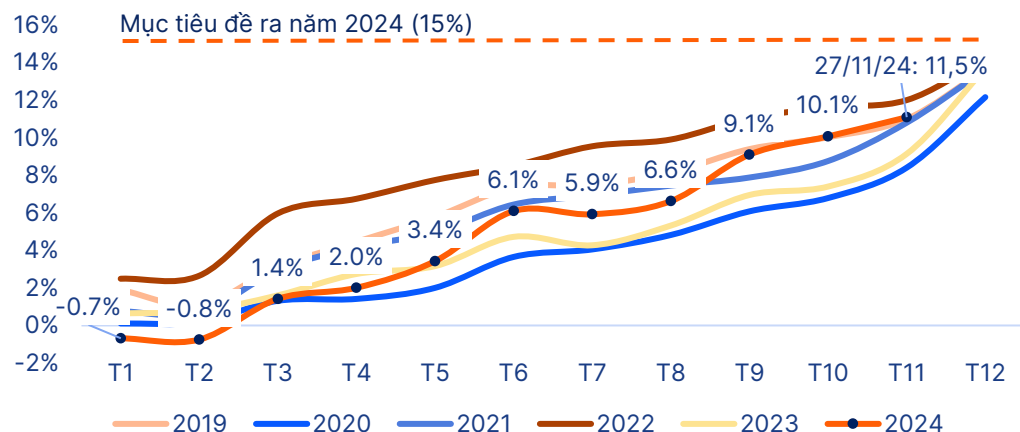
Tốc độ tăng trưởng 9 tháng (2023-2024)



Nguồn: FiinProX, SHS Research

Tăng trưởng tín dụng ấn tượng ở một số ngân hàng

Tăng trưởng tín dụng tính từ đầu năm

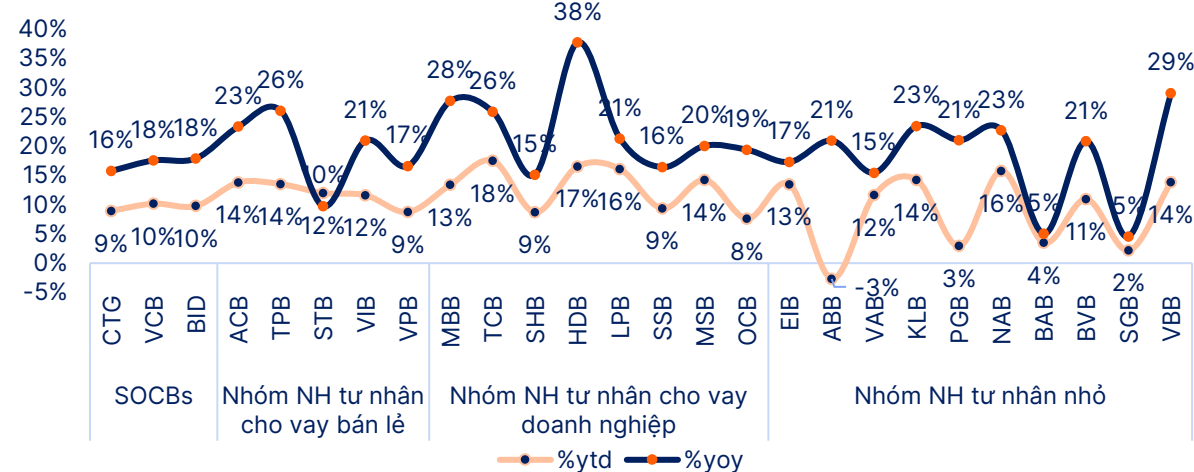


Tín dụng cải thiện so với mức nền của năm trước



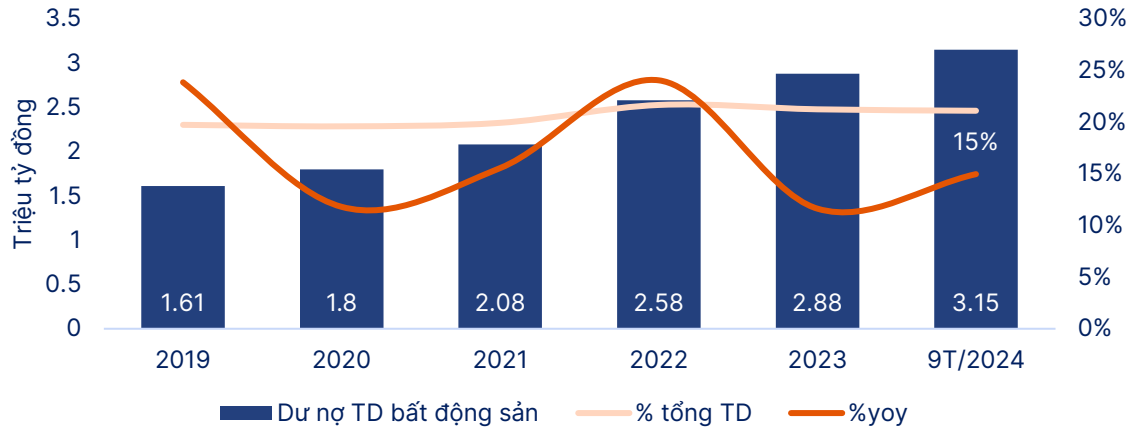
- Tính đến hết 27/11/2024, tăng trưởng tín dụng toàn ngành ước đạt 11,5%, tổng dư nợ tín dụng tính đến hết 3Q24 đạt hơn 14,8 triệu tỷ đồng, trong đó 27 ngân hàng niêm yết chiếm 11,4 triệu tỷ đồng (77% toàn ngành).
- Nhóm ngân hàng tư nhân đặc biệt là nhóm cho vay doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng tín dụng cao hơn nhóm SOCBs, TCB, HDB hay LPB đều đã vượt hạn mức năm và đã được nới room tín dụng trong quý 4.
- Trong nhóm ngân hàng tư nhân cho vay bán lẻ, VPB tăng trưởng tín dụng 9% (55% hạn mức), khá thấp so với các NHTM khác trong nhóm. Lý do một phần đến từ việc VPB tiếp tục chủ động giảm dư nợ TPDN, 9T24 ghi nhận giảm 47% xuống 18.442 tỷ đồng sau khi đã giảm 20% trong năm 2023. Cho vay khách hàng hợp nhất tăng 12,2% (cùng kỳ 2023 tăng 19%).

Tốc độ tăng trưởng tín dụng ngành ngân hàng 9T2024



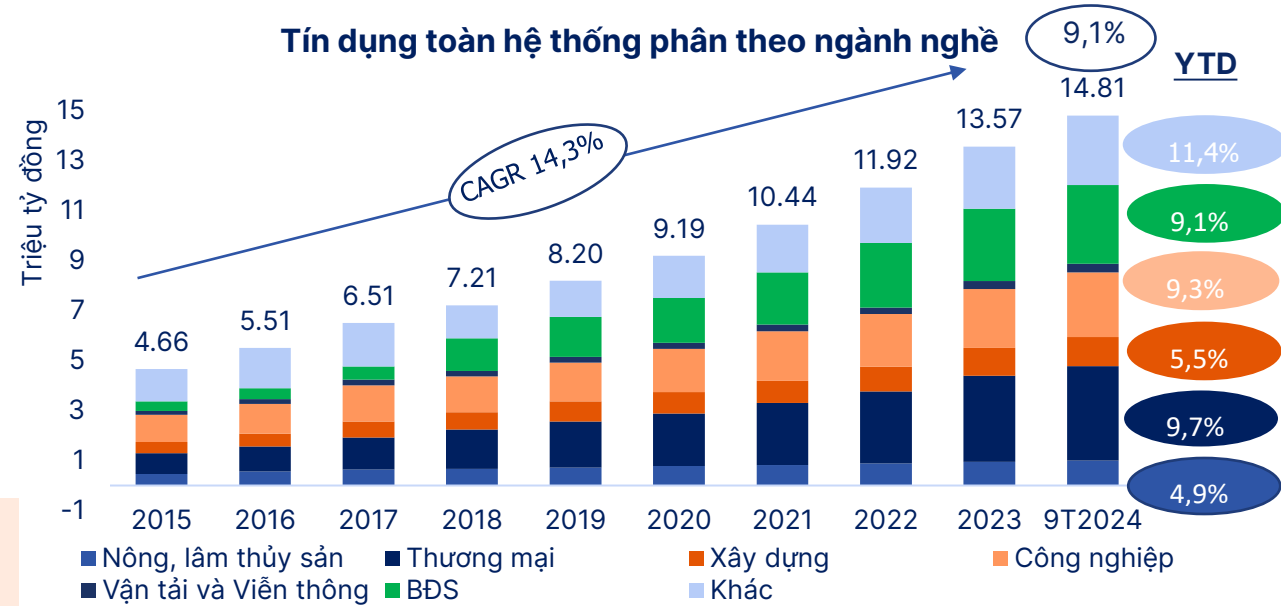
Dư nợ tín dụng nhóm bất động sản tăng 15% so với cùng kỳ

Dư nợ bất động sản tiếp tục tăng

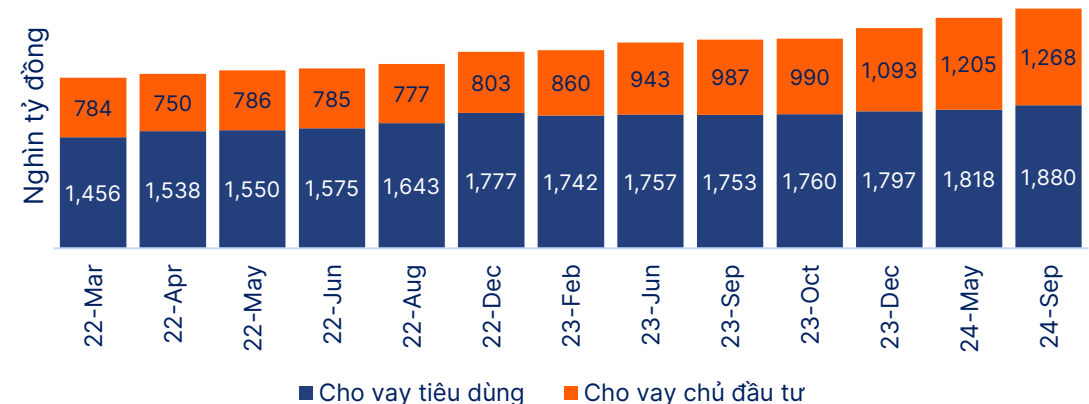


- Phân theo ngành nghề, tốc độ tăng trưởng lĩnh vực thương mại, công nghiệp, BĐS trong 9T2024 tương đối đồng đều so với tăng trưởng chung toàn ngành. Dư nợ ngành xây dựng vẫn thấp hơn đáng kể so với chỉ số chung.
- Dư nợ tín dụng bất động sản 9T24 đạt 3,15 triệu tỷ đồng (+15% yoy và +9% ytd) chiếm khoảng 21% tổng tín dụng, có sự phân hóa rõ rệt giữa tín dụng đầu tư và tín dụng tiêu dùng. Mảng bất động sản tiêu dùng (cá nhân vay mua nhà, sửa nhà) 9T24 ghi nhận 1,8 triệu tỷ đồng (+7,2% yoy và +4,6% ytd). Mảng cho vay chủ đầu tư liên tục tăng tỷ trọng trong 2 năm gần đây, đạt 1,3 triệu tỷ đồng (+28,2% yoy và 16,0% ytd).
- Thanh khoản thị trường bất động sản nhà ở 3Q24 tăng cả ở phân khúc đất nền và căn hộ chung cư. Nguồn cung sôi động hơn nhờ sự xuất hiện một số dự án mới. Các ngân hàng cũng liên tục có các chính sách hỗ trợ lãi suất, mặt bằng lãi suất cho vay có xu hướng giảm để thu hút khách hàng trong bối cảnh tín dụng yếu.

Tín dụng toàn hệ thống phân theo ngành nghề

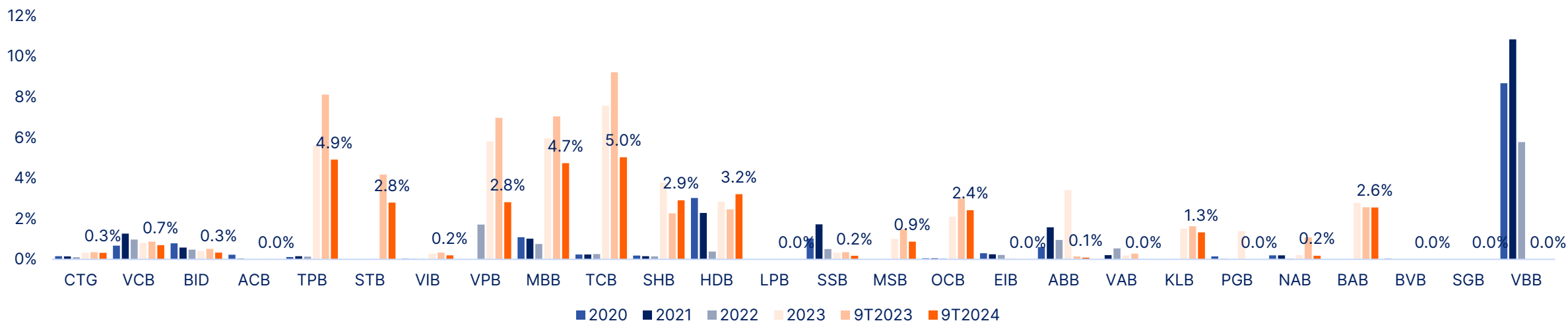


Dư nợ tín dụng bất động sản theo mảng



Tỷ trọng TPDN giảm ở đa số ngân hàng niêm yết

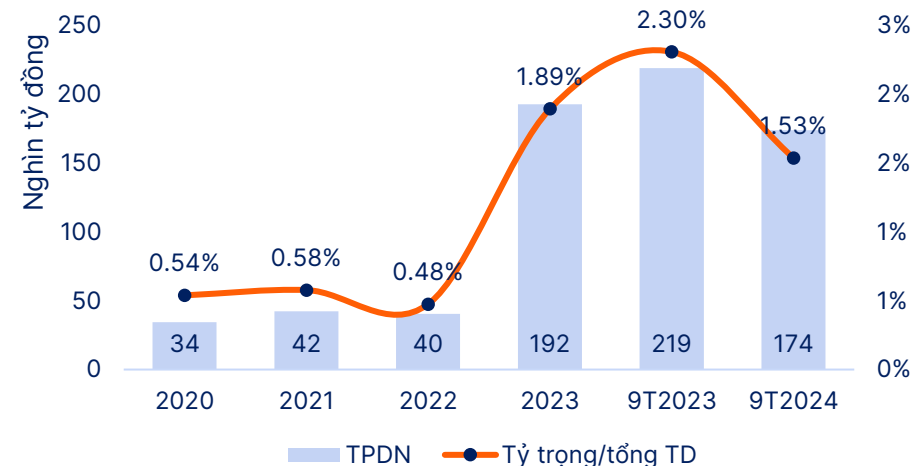
Chi tiết tỷ trọng TPDN/Tổng Tín dụng tại 27 ngân hàng niêm yết



- Dự nợ trái phiếu doanh nghiệp tại 27 Ngân hàng niêm yết thời điểm cuối Q3.2024 là 173.546 tỷ đồng, giảm 10% YTD, chiếm 1,53% tổng dự nợ tín dụng (-0,36% YTD).
- Nhóm SOCBs có tỷ lệ nắm giữ TPDN khá thấp, dưới 1% tổng tín dụng. Trong nhóm Ngân hàng tư nhân, ACB và VIB có tỷ trọng TPDN nắm giữ không đáng kể, LPB không nắm giữ TPDN. Một số ngân hàng có tỷ trọng TPDN/TD rất cao, đứng đầu là TCB (9T24 khoảng 5%), theo sau là TPB, MBB, HDB, VPB, STB, OCB.
- Tuy vậy các ngân hàng này cũng đang giảm tỷ trọng nắm giữ TPDN, kết thúc 9 tháng năm 2024, TCB (-31,2% yoy & -21,9% ytd); TPB (-23,7% yoy & -0,49% ytd); MBB (-14,1 yoy & -9,78% ytd); VPB (-52,8% yoy & -47,21% ytd) ngoại trừ HDB (+79,65% yoy & +31,82% ytd).

Nguồn: FiinProX, SHS Research

Tỷ trọng TPDN so với tổng tín dụng tại 27 Ngân hàng



Ước tính có 5 ngân hàng được nối room tín dụng

| | Mã CK | Hạn mức TD ban đầu | Hạn mức TD t8/24 | Hạn mức bổ sung | Ước tính cả năm |
|-------|-------|--------------------|------------------|-----------------|-----------------|
| SOCBs | CTG | 14,00% | 14,00% | 2,00% | 16,00% |
| | VCB | 15,90% | 15,90% | | |
| | BID | 14,04% | 14,04% | | |
| JSCBs | ACB | 16,10% | 18,40% | 2,29% | 20,69% |
| | TPB | 15,70% | 18% | | |
| | STB | 13,50% | 13,50% | | |
| | VIB | 16,00% | 18,40% | 3,20% | 21,60% |
| | VPB | 15,50% | 18,00% | | |
| | MBB | 16,00% | 18,16% | | |
| | TCB | 16,00% | 18,50% | 1,50% | 20,00% |
| | HDB | 24,00% | 19,00% | | |
| | MSB | 14,20% | 16,30% | 1,97% | 18,27% |

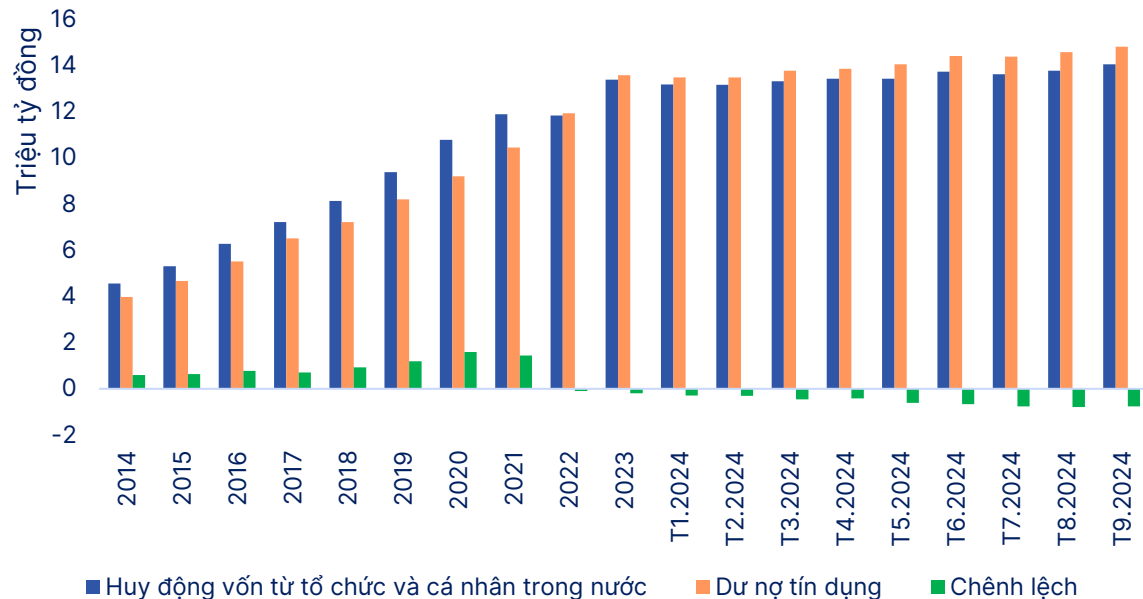
Nguồn: NHNN, SHS Research

- Ngày 28/11/2024, NHNN tiếp tục cấp bổ sung hạn mức tín dụng cho các Ngân hàng đã sử dụng từ 80% hạn mức được cấp. Đây là lần cấp hạn mức tín dụng bổ sung thứ 2 trong năm 2024 (lần 1 vào tháng 8.2024) với quyết tâm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15%. Ước tính có 5 Ngân hàng đủ điều kiện được cấp hạn mức tín dụng bổ sung lần này.
- Việc được cấp thêm room tín dụng giúp các ngân hàng nói trên mở rộng quy mô kinh doanh, khi mà nhu cầu tín dụng thường cao thời điểm cuối năm.

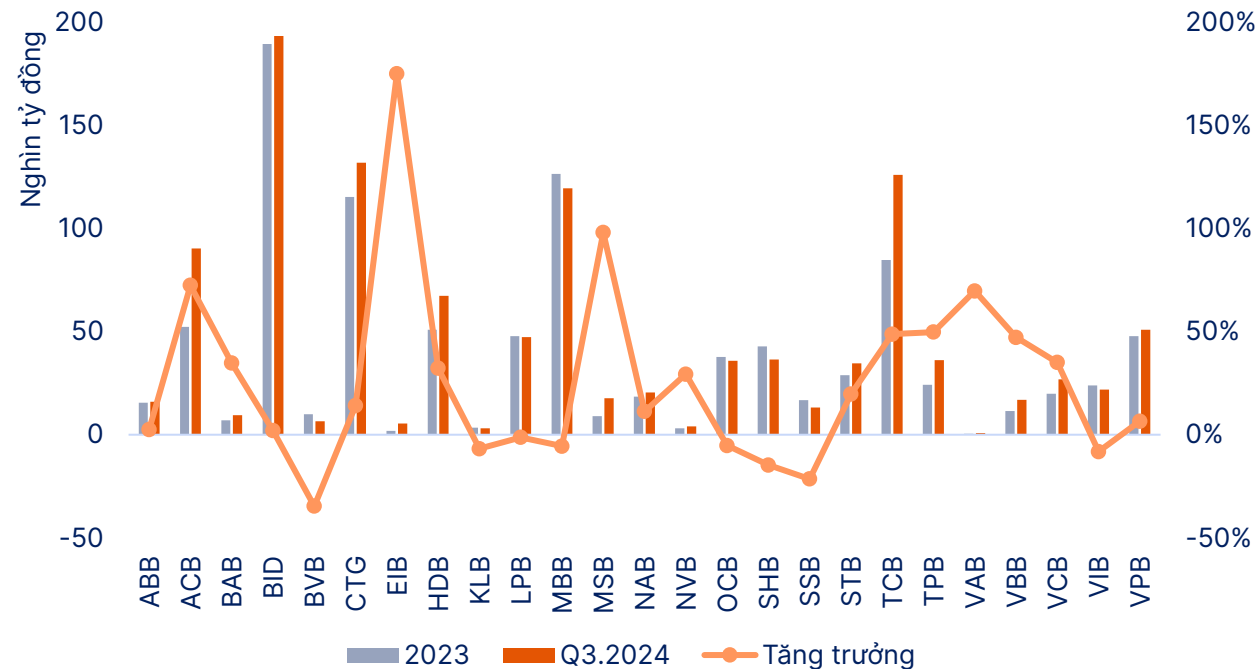
Chênh lệch giữa huy động thị trường 1 và cấp tín dụng toàn hệ thống vẫn ở mức âm, phụ thuộc ngày càng cao vào phát hành GTCG



Chênh lệch huy động vốn thị trường 1 và dư nợ tín dụng hệ thống Ngân hàng



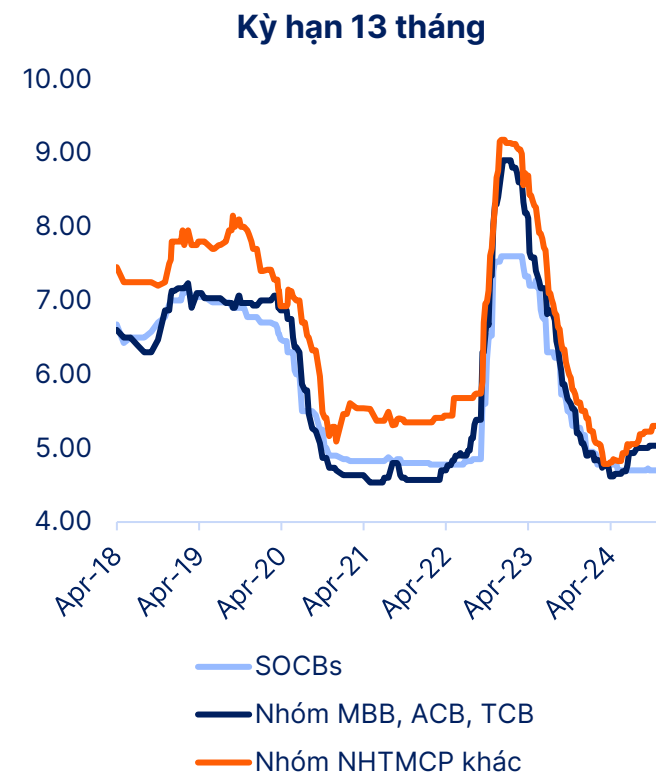
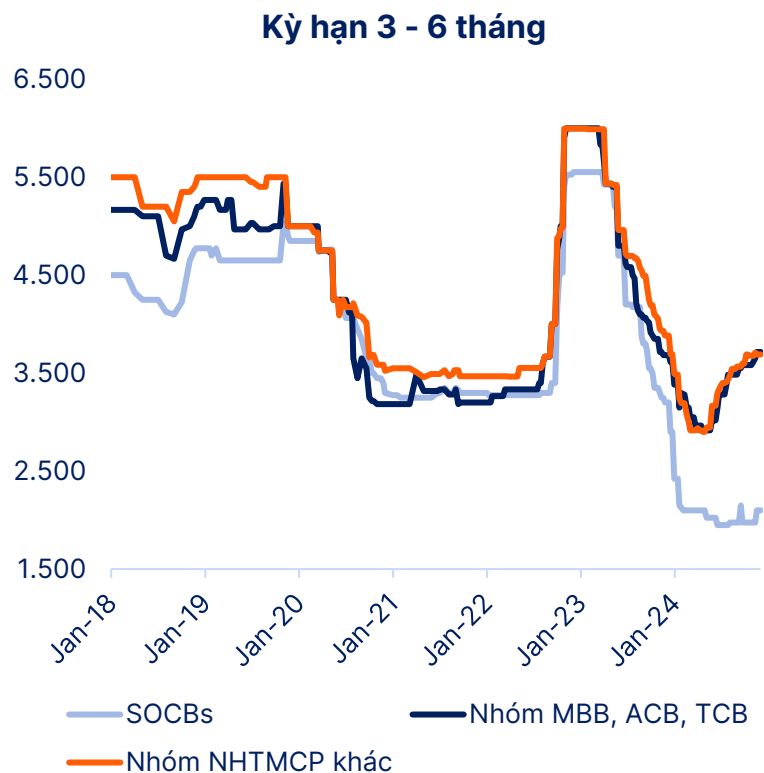
Phát hành giấy tờ có giá của các Ngân hàng



Nguồn: FiinProX, SHS Research

- Tính đến cuối tháng 9/2024, huy động thị trường 1 toàn hệ thống Ngân hàng tăng 4,93% YTD, thấp hơn đáng kể so với mức tăng trưởng 9,11% của dư nợ cho vay. Ước tính huy động thị trường 1 và dư nợ tín dụng toàn hệ thống đang chênh lệch âm 771 nghìn tỷ đồng, khiến hệ thống Ngân hàng phụ thuộc ngày càng nhiều hơn vào phát hành giấy tờ có giá, có lãi suất cao hơn lãi suất huy động trên thị trường 1.
- Tại thời điểm cuối Q3.2024, quy mô giấy tờ có giá của 27 Ngân hàng niêm yết có giá trị 1,13 triệu tỷ đồng, tăng 14,4% YTD. Theo hiệp hội trái phiếu Việt Nam VBMA, hệ thống Ngân hàng đã phát hành 260.882 tỷ đồng trái phiếu trong 11T2024, chiếm 69,6% tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành.

Lãi suất huy động tăng trở lại



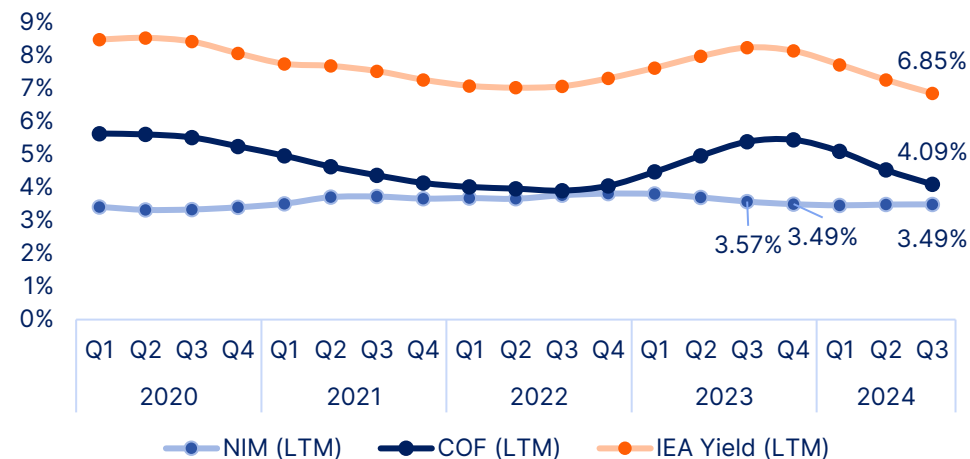
- Theo thống kê, có 15 ngân hàng đã tăng lãi suất huy động từ đầu tháng 11. Trong đó, MB, Agribank và VIB là các ngân hàng đã hai lần tăng lãi suất kể từ đầu tháng, chuẩn bị nguồn vốn phục vụ cho cao điểm giải ngân tín dụng cuối năm. Ngày 27/11, Ngân hàng Nhà nước đã có công văn yêu cầu các tổ chức tín dụng duy trì mặt bằng lãi suất tiền gửi ổn định, hợp lý, phù hợp với khả năng cân đối vốn, khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh và năng lực quản lý rủi ro, nhằm ổn định thị trường tiền tệ và mặt bằng lãi suất thị trường.
- Dự báo lãi suất huy động trong ngắn hạn duy trì ở mức hiện tại và có sự phân hóa giữa các ngân hàng, tùy vào nhu cầu huy động vốn.

NIM vẫn trong xu hướng đi ngang, chịu áp lực giảm nhẹ do các Ngân hàng duy trì lãi suất cho vay thấp

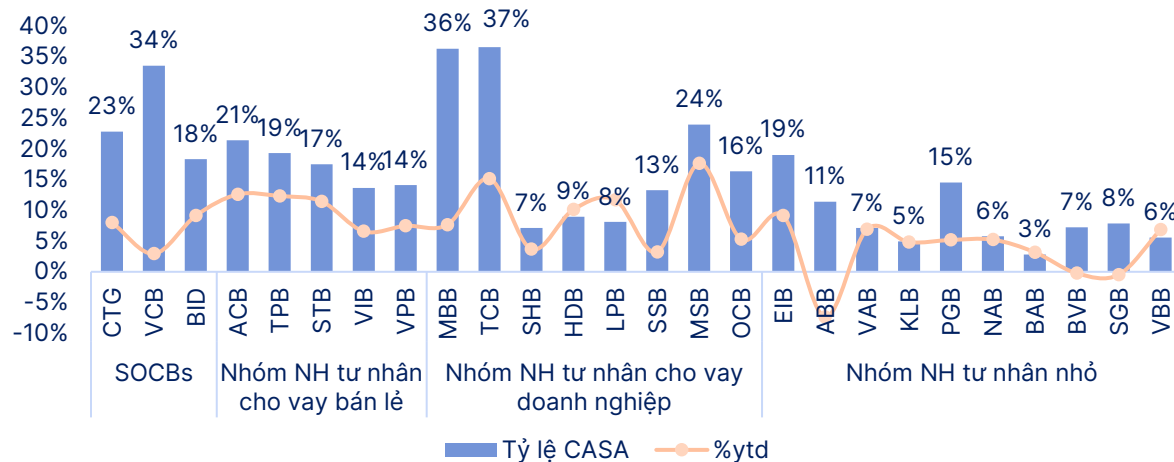


- NIM toàn ngành duy trì đi ngang trong 3Q24 ở mức 3,5%. Xu hướng này chịu ảnh hưởng bởi sự thu hẹp NIM ở nhóm SOCBs nhưng cải thiện ở nhóm ngân hàng tư nhân lớn (MBB, TCB, VPB, HDB).
- Chi phí vốn giảm mạnh (3Q24 còn 4,1%) và kỳ vọng sẽ đi ngang trong các quý tới do lãi suất của nhóm SCCBs vẫn đang ở mức thấp và độ trễ của việc tăng lãi suất huy động tại nhóm Ngân hàng tư nhân. NIM dự báo chưa có cải thiện rõ ràng do các Ngân hàng cần duy trì lãi suất cho vay thấp để đẩy mạnh tín dụng.
- Tỷ lệ CASA toàn ngành trong xu hướng đi ngang, đạt 21% trong 3Q24. TOP3 CASA trong 9 tháng đầu năm vẫn là TCB, MBB và VCB, với lợi thế tệp khách hàng lớn, hệ sinh thái đa dạng và các chính sách linh hoạt nhằm thu hút tiền gửi từ khách hàng.

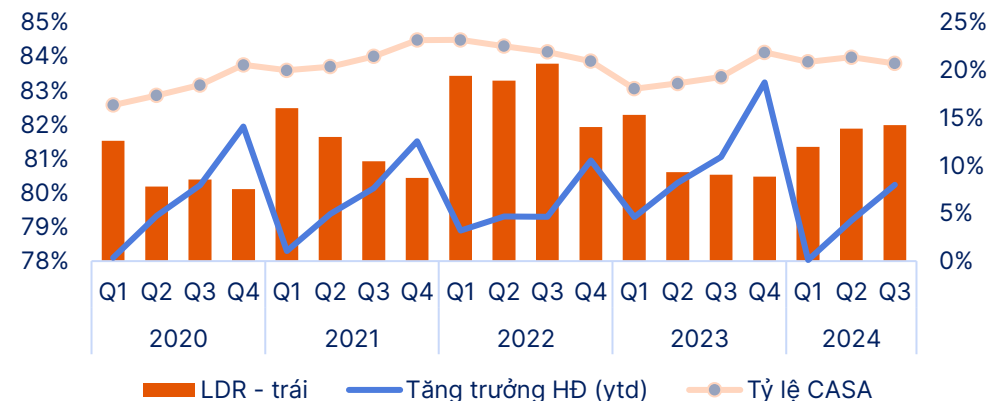
NIM đi ngang 5 quý liên tiếp



Tăng trưởng tiền gửi và tỷ lệ CASA 9T24



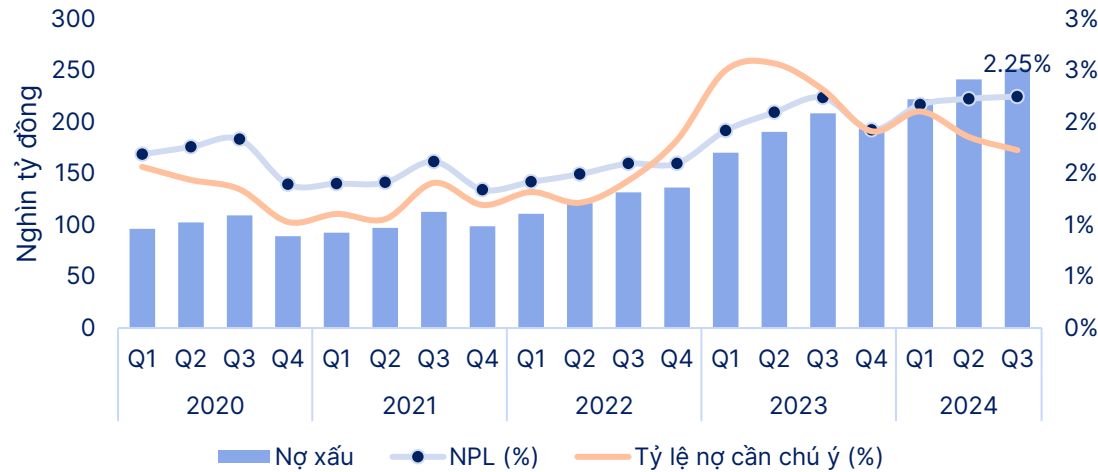
CASA, LDR và tăng trưởng huy động



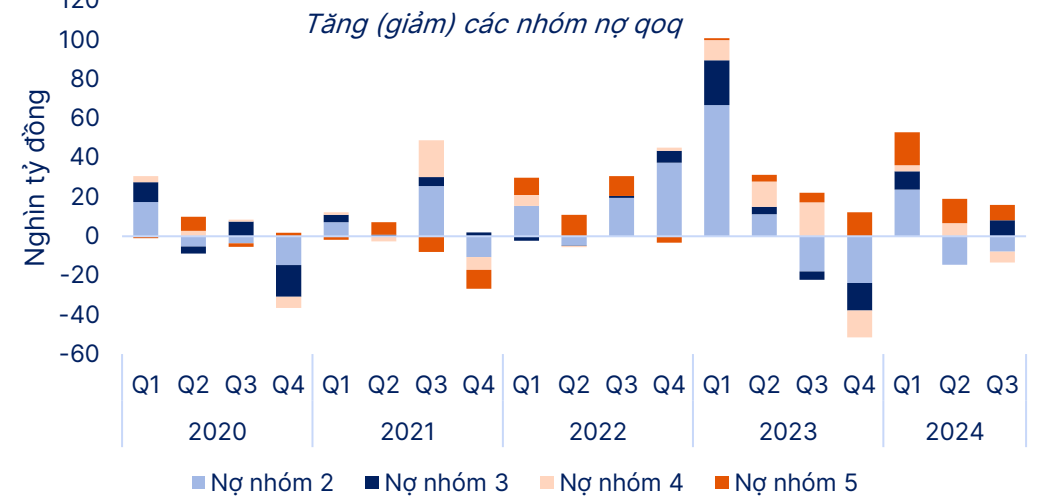
Nguồn: FiinProX, SHS Research

Áp lực nợ xấu tăng cao, tỷ lệ bao phủ nợ xấu duy trì xu hướng giảm

Nợ xấu tăng so với đầu năm

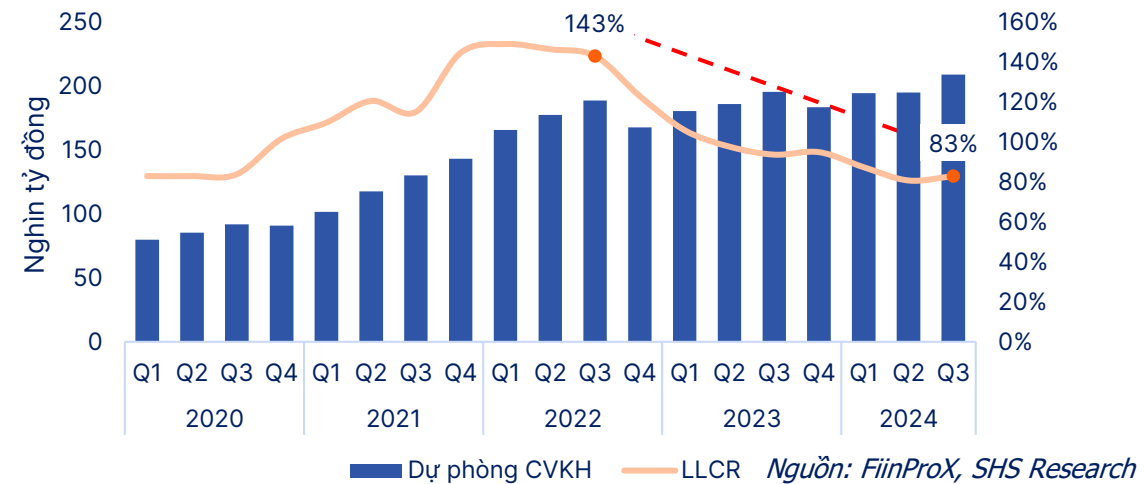


Nợ các nhóm trong 3Q24 tăng giảm trái chiều so với 2Q24



- Tính đến hết 3Q24, nợ xấu toàn hệ thống ở mức 252 nghìn tỷ đồng (+20,7% yoy & +30,3% ytd). Tỷ lệ NPL toàn ngành đạt 2,25% (+2bpt qoq và +30bpt yoy).
- Nợ nhóm 2 và 4 trong Q3 giảm so với quý liền trước trong khi nhóm 3 và 5 cùng tăng thêm 8 nghìn tỷ đồng (+6,4% qoq). So với đầu năm, các nhóm từ 2 - 4 đều tăng đặc biệt là nhóm 5, lần lượt +0,8%, +41,7%, +6,9% và +40,4%.
- Tỷ lệ nợ xấu tăng, tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm cho thấy chất lượng tài sản toàn hệ thống đang suy giảm. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu còn 83% trong 3Q24, cách xa so với mức đỉnh (143,2%) của 3Q22.
- Tỷ lệ nợ xấu và LLCR kỳ vọng tích cực hơn vào thời điểm cuối năm khi các Ngân hàng thường tập trung sử dụng trích lập dự phòng để xóa nợ xấu.

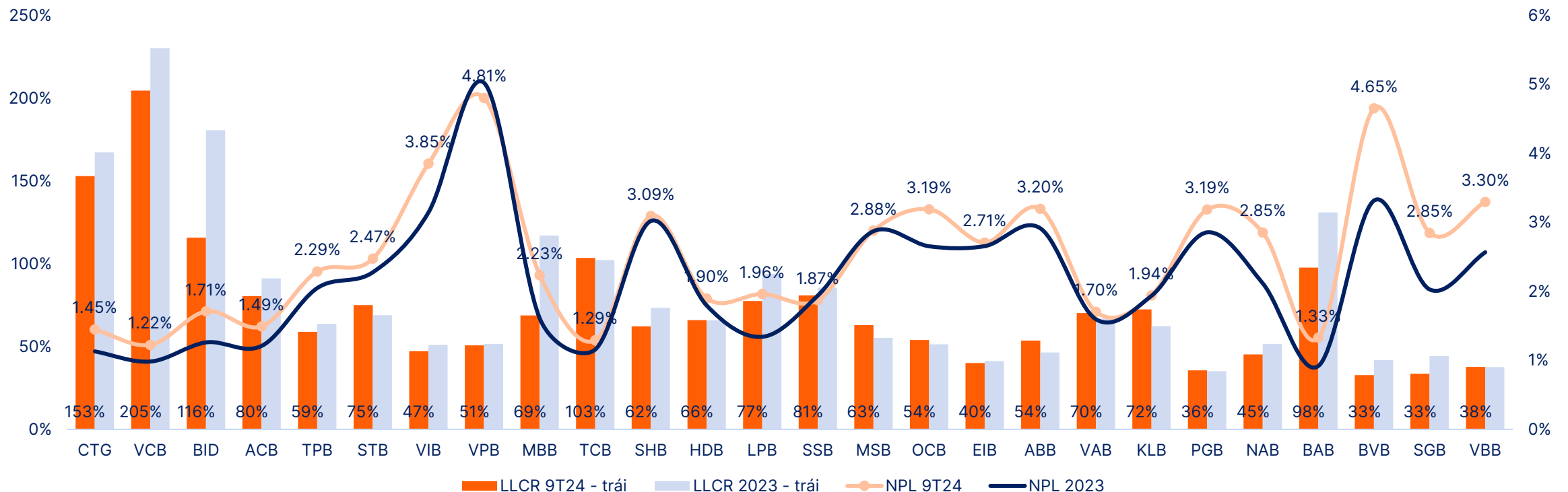
Tỷ lệ LLCR giảm từ vùng đỉnh 3Q22



Tỷ lệ nợ xấu cao tập trung ở nhóm Ngân hàng tư nhân cho vay bán lẻ

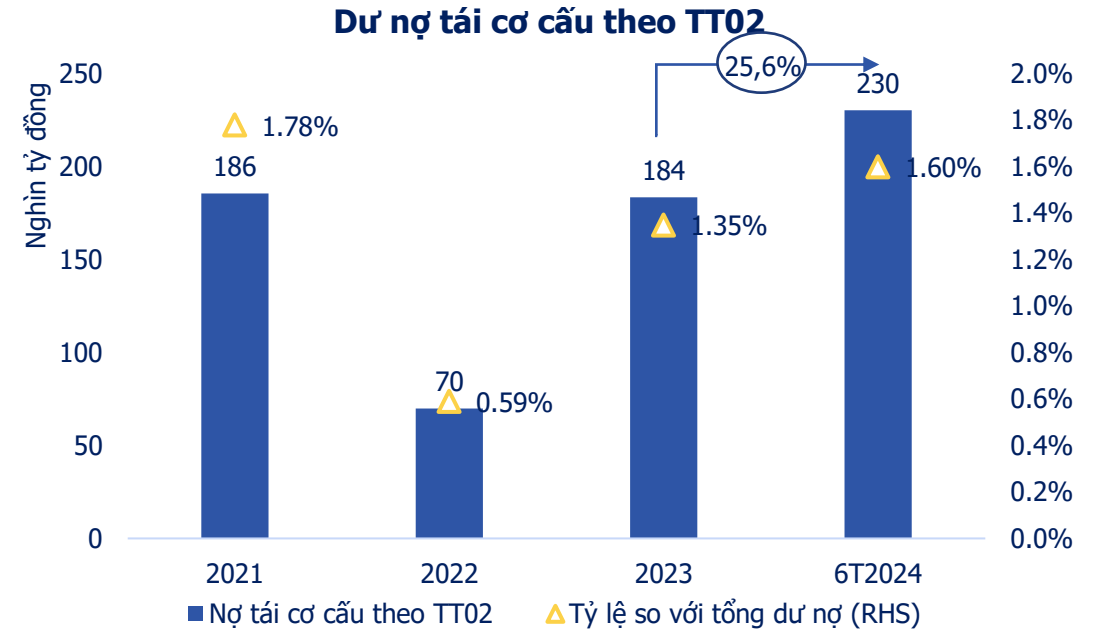
- Tỷ lệ nợ xấu cao tập trung ở nhóm ngân hàng tư nhân đặc biệt một số ngân hàng cho vay bán lẻ như VPB và VIB có tỷ lệ nợ xấu cao nhất, NPL 9T24 lần lượt là 3,85% và 4,81%. Trong nhóm SOCBs, BID có tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh so với đầu năm (từ 1,26% lên 1,71%). Trong các nhóm còn lại, SHB, MSB, BVB, ABB và PGB đang có tỷ lệ nợ xấu sau 9 tháng trên 3%. Về tỷ lệ bao phủ nợ xấu, ngoài nhóm SOCBs chỉ có TCB trích lập trên 100%, các ngân hàng vừa và nhỏ có bộ đệm dự phòng thấp hơn khi LLCR từ 40%-70%.

Tỷ lệ nợ xấu và LLCR các ngân hàng



Tác động từ việc Thông tư 02 về tái cơ cấu nợ hết hiệu lực

- Ngày 31/12/2024, Thông tư 02 về tái cơ cấu nợ sẽ hết hiệu lực. Hiện chưa có thông tin từ phía NHNN liên quan tới việc gia hạn hoặc dừng áp dụng Thông tư 02 theo đúng lộ trình dự kiến. Tại thời điểm cuối Q2.2024, dư nợ tái cơ cấu theo Thông tư 02 có giá trị 230 nghìn tỷ đồng, tăng 25,6% YTD. Theo quy định, các Ngân hàng phải trích lập dự phòng khoản nợ tái cơ cấu theo TT02 theo đúng nhóm nợ, khoản chênh lệch so với nhóm nợ hiện tại được trích lập 50% mỗi năm, đạt 100% vào cuối năm 2024. Việc không gia hạn TT02 có thể làm tăng quy mô nợ xấu và giảm tỷ lệ bao phủ nợ xấu, không ảnh hưởng đến trích lập dự phòng của Ngân hàng.
- Thông tư 02 hết hiệu lực sẽ có tác động khác nhau đối với từng Ngân hàng. Nhóm ngân hàng như BIDV, Vietcombank, VietinBank, Techcombank, ACB,... sẽ ít chịu ảnh hưởng nhờ sở hữu bộ đệm dự phòng vững chắc và sức khỏe tài chính tốt. Nhóm Ngân hàng có tỷ lệ nợ nhóm 2 cao và tỷ lệ bao phủ nợ xấu thấp dự báo sẽ chịu ảnh hưởng lớn hơn.



Nguồn: FiinProX, SHS Research

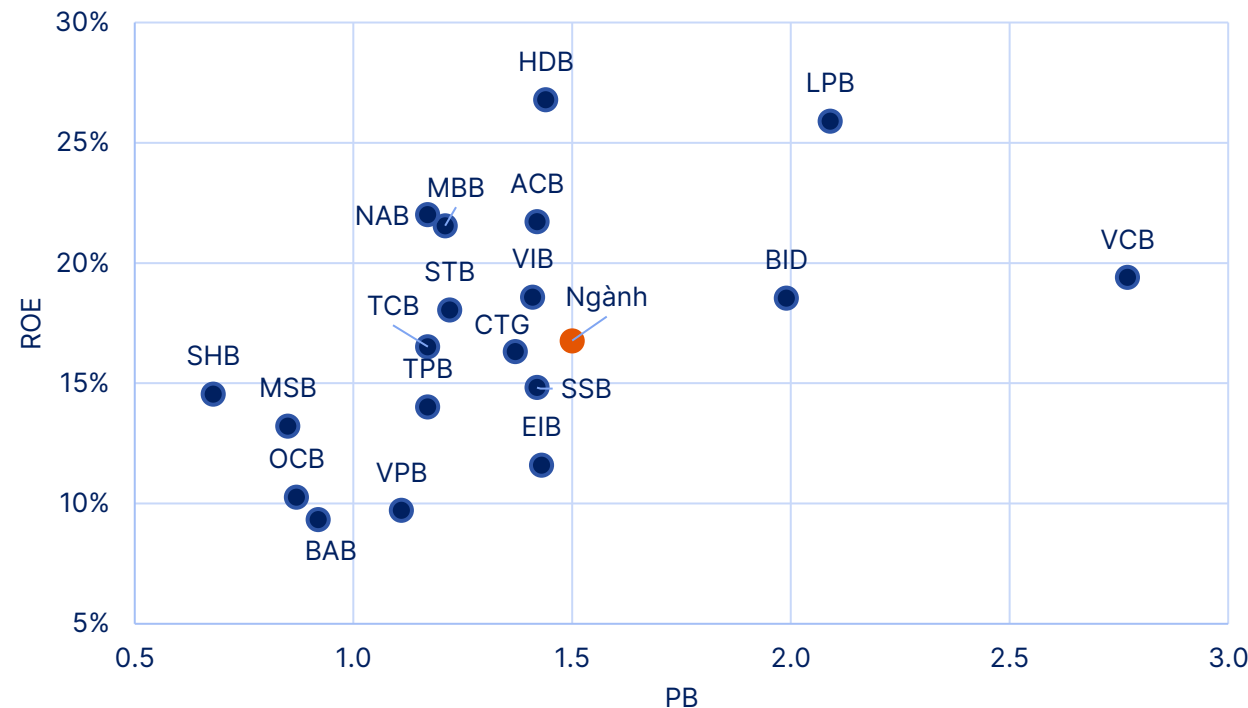
Định giá cổ phiếu Ngân hàng dao động trong biên độ hẹp trong 2 năm gần đây, thấp hơn mức trung bình giai đoạn 2012-2024



Hệ số định giá PB ngành Ngân hàng giai đoạn 2012-2024



Tương quan PB và ROE các Ngân hàng so với trung bình ngành

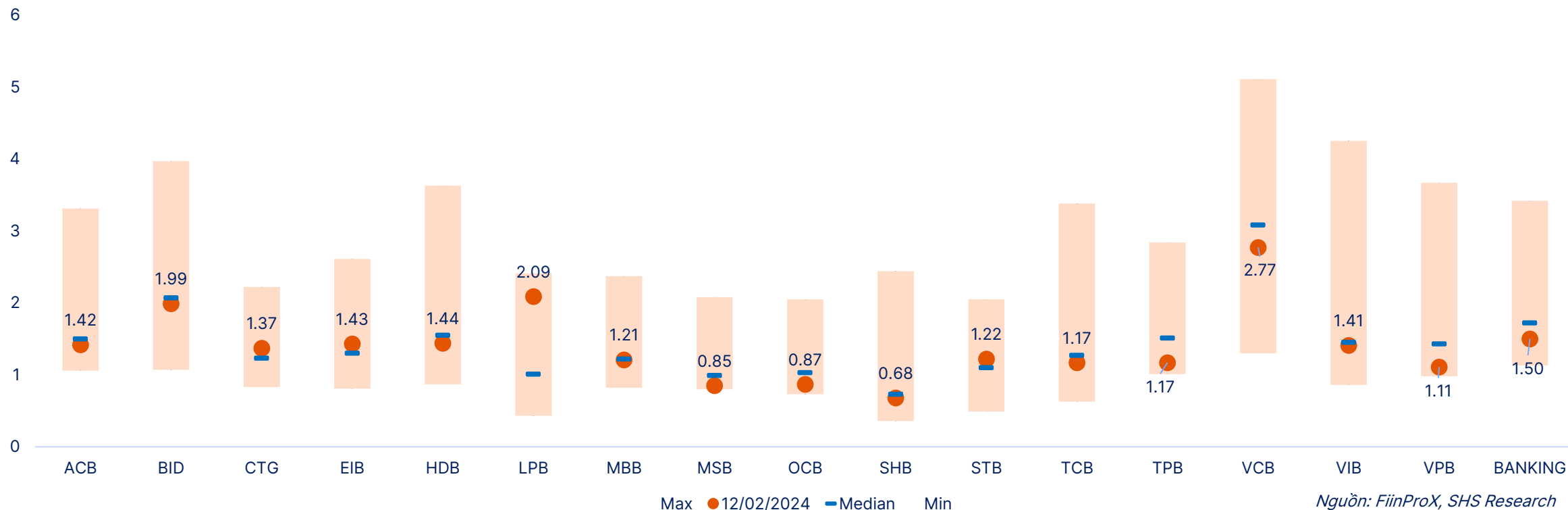


Nguồn: FiinProX, SHS Research

- Hệ số định giá P/B ngành Ngân hàng dao động trong biên độ hẹp 1,4x-1,6x trong 2 năm gần đây và thấp hơn mức trung bình trong giai đoạn 2012-2024. Hiện P/B ngành Ngân hàng đang là 1,5x, thấp hơn 13% so với định giá P/B trung bình.
- So sánh tương quan tại thời điểm cuối Q3.2024, trừ hai Ngân hàng quốc doanh BID, VCB và LPB có P/B cao hơn trung bình ngành, đa số các Ngân hàng đều giao dịch ở mức P/B thấp hơn trung bình ngành. CTG có P/B 1,37x, thấp nhất trong nhóm Ngân hàng Quốc doanh.

Đa số cổ phiếu Ngân hàng đang giao dịch ở mức PB thấp hơn hoặc tương đương mức trung vị giai đoạn 2014-2024

PB cổ phiếu Ngân hàng giai đoạn 2014-2024



- Trong giai đoạn 2014-2024, trừ LPB, đa số PB các Ngân hàng ở thời điểm hiện tại đang thấp hơn hoặc tương đương mức trung vị. TPB là Ngân hàng có mức PB thấp hơn mức trung vị cao nhất (22,5%), tiếp theo là VPB (22,4%).

Kế hoạch huy động vốn của các ngân hàng năm 2024



| Ngân hàng | Hình thức huy động | % cổ phiếu trong đợt phát hành | Giá trị phát hành | Tình trạng |
|-----------|--|--------------------------------|---|---|
| VCB | Trả cổ tức bằng cổ phiếu Phát hành riêng lẻ | 38.8% 6.5% | Giá trị kỳ vọng của đợt phát hành bổ sung khoảng 1 tỷ USD | Được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư bổ sung vốn nhà nước vào VCB |
| BID | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 21% | | NHNN đã chấp thuận Đang tiến hành |
| CTG | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | Chờ NHNN phê duyệt | | Đang tiến hành |
| MBB | Phát hành riêng lẻ Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 73tr cổ phiếu 15-20% | Giá trị đợt phát hành thêm hơn 1,1 nghìn tỷ đồng | Hoàn tất |
| ACB | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 15.0% | | Hoàn tất |
| NAB | Trả cổ tức bằng cổ phiếu ESOP | 25% 50tr cổ phiếu | | Hoàn tất |
| LPB | Phát hành ra công chúng | 500tr cổ phiếu | Giá 10.000 đồng/cổ phiếu | Hoàn tất |

Bảng tổng hợp số liệu các ngân hàng niêm yết 9 tháng năm 2024

| | Tổng TS | VCSH | LNTT | %yoy | LNTT KH | % thực hiện | NIM | NPL | CASA | CIR | LLCR | ROE | ROA |
|------------|-----------|---------|---------|-------|---------|-------------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|-------|
| Đơn vị | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng | | Tỷ đồng | | % | % | % | % | % | % | % |
| CTG | 2.229.791 | 140.986 | 19.513 | 12% | 26.300 | 74% | 2,92% | 1,45% | 22,8% | 26,4% | 153,0% | 16,31% | 1,02% |
| VCB | 1.932.362 | 190.297 | 31.533 | 7% | 43.223 | 73% | 2,95% | 1,22% | 33,5% | 31,4% | 204,6% | 19,40% | 1,86% |
| BID | 2.575.981 | 138.440 | 22.047 | 12% | N/A | N/A | 2,40% | 1,71% | 18,3% | 33,7% | 115,7% | 18,54% | 0,96% |
| ACB | 777.393 | 78.854 | 15.335 | 2% | 22.000 | 70% | 3,69% | 1,49% | 21,4% | 32,7% | 80,5% | 21,71% | 2,17% |
| TPB | 385.352 | 36.311 | 5.463 | 10% | 7.500 | 73% | 4,04% | 2,29% | 19,3% | 34,7% | 58,8% | 14,01% | 1,33% |
| STB | 702.986 | 51.281 | 8.094 | 18% | 10.600 | 76% | 3,57% | 2,47% | 17,5% | 50,9% | 75,0% | 18,04% | 1,26% |
| VIB | 445.378 | 39.942 | 6.603 | -21% | 12.045 | 55% | 3,89% | 3,85% | 13,6% | 35,7% | 47,1% | 18,58% | 1,69% |
| VPB | 858.885 | 142.240 | 13.861 | 67% | 23.165 | 60% | 5,82% | 4,81% | 14,1% | 23,6% | 50,7% | 9,71% | 1,57% |
| MBB | 1.028.819 | 110.023 | 20.736 | 4% | 27.884 | 74% | 4,16% | 2,23% | 36,3% | 30,3% | 68,8% | 21,55% | 2,21% |
| TCB | 927.053 | 144.368 | 22.842 | 33% | 27.100 | 84% | 4,25% | 1,29% | 36,5% | 28,4% | 103,5% | 16,52% | 2,53% |
| SHB | 688.387 | 55.751 | 9.048 | 6% | 11.286 | 80% | 2,96% | 3,09% | 7,1% | 24,7% | 62,1% | 14,54% | 1,20% |
| HDB | 629.569 | 53.584 | 12.655 | 47% | 15.852 | 80% | 5,42% | 1,90% | 8,9% | 34,3% | 65,9% | 26,78% | 2,11% |
| LPB | 455.805 | 40.668 | 8.818 | 139% | 10.500 | 84% | 3,44% | 1,96% | 8,1% | 28,9% | 77,5% | 25,89% | 2,29% |
| SSB | 288.518 | 33.778 | 4.508 | 43% | 5.888 | 77% | 3,68% | 1,87% | 13,3% | 32,5% | 80,8% | 14,82% | 1,72% |
| MSB | 300.701 | 35.233 | 4.902 | -6% | 15.852 | 31% | 3,48% | 2,88% | 24,0% | 33,5% | 62,9% | 13,22% | 1,54% |
| OCB | 265.502 | 30.494 | 2.553 | -35% | 6.885 | 37% | 3,33% | 3,19% | 16,3% | 40,0% | 53,9% | 10,26% | 1,25% |
| EIB | 223.684 | 24.176 | 2.378 | 39% | 5.180 | 46% | 2,86% | 2,71% | 19,0% | 44,1% | 39,9% | 11,59% | 1,28% |
| ABB | 164.194 | 13.206 | (343) | -149% | 1.000 | -34% | 1,88% | 3,20% | 11,4% | 53,1% | 53,5% | 0,17% | 0,02% |
| VAB | 116.406 | 8.617 | 793 | 34% | 1.058 | 75% | 2,30% | 1,70% | 7,1% | 44,8% | 70,3% | 10,99% | 0,82% |
| KLB | 91.827 | 6.332 | 761 | 19% | 800 | 95% | 3,58% | 1,94% | 4,9% | 56,3% | 72,5% | 11,09% | 0,75% |
| PGB | 61.804 | 5.102 | 344 | -4% | 554 | 62% | 2,71% | 3,19% | 14,5% | 50,3% | 35,6% | 4,53% | 0,38% |
| NAB | 238.830 | 17.815 | 3.323 | 62% | 4.000 | 83% | 3,76% | 2,85% | 5,8% | 40,5% | 45,3% | 22,01% | 1,62% |
| BAB | 156.130 | 11.422 | 813 | 48% | 1.100 | 74% | 2,18% | 1,33% | 2,8% | 62,2% | 97,7% | 9,33% | 0,68% |
| BVB | 99.420 | 6.033 | 182 | 196% | 200 | 91% | 2,31% | 4,65% | 7,2% | 62,7% | 32,7% | 2,56% | 0,17% |
| SGB | 31.766 | 4.184 | 213 | -14% | 368 | 58% | 2,95% | 2,85% | 7,8% | 57,6% | 33,5% | 5,76% | 0,75% |
| VBB | 151.957 | 8.453 | 820 | 96% | 950 | 86% | 2,04% | 3,30% | 5,6% | 48,2% | 37,7% | 12,72% | 0,68% |

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ



Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt
Nguyet.dta@shs.com.vn

Chuyên viên: Lê Thu Huyền
Huyen.lt@shs.com.vn

Giám sát:

Giám đốc: Nguyễn Minh Hạnh
Hanh.nm@shs.com.vn

Phó phòng: Ngô Thế Hiến
Hien.nth@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda.

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích
Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn
Metropolitan
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé,
Q1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn